TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19-7-2017
V/v ly hôn giữa chị M và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Quỹ
2. Ông Lê Thành Đô

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ***: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 32/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 77/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M sinh năm 1985 "có mặt"
Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Anh Dương Văn T sinh năm 1979 "vắng mặt"
Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-02-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự tìm hiểu và xác lập hôn nhân vào năm 2003, vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ cấp ngày 19-4-2011. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi nhau, gia đình sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2016

cho đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung, con thứ nhất Dương Thị Q sinh ngày 09-10-2004, con thứ hai Dương Tuấn K sinh ngày 29-8-2007, hai con đang sống cùng cha. Chị M đồng ý giao hai con cho anh T nuôi dưỡng. Không có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị M khai tài sản chung của vợ chồng 10 chỉ vàng 24K và 20.000.000đồng, số tài sản này do anh T quản lý, khi khởi kiện chị M yêu cầu chia đôi tài sản. Tại phiên tòa, chị M rút yêu cầu chia tài sản, sau này hai bên có tranh chấp chị sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Bị đơn anh Dương Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư lý phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng. Về chia tài sản, chị M rút yêu cầu chia tài sản nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị M và anh Dương Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan niệm sống, anh T nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên thường xảy ra cãi vã, bất hòa. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 10-2016 hai bên đã sống ly thân. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Anh T được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, khi hòa giải ở địa phương anh T thể hiện ý chí không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại địa phương đã xác định được nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai bên đúng như chị M trình bày, vợ chồng hiện tại ai cũng có cuộc sống riêng. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được tòa án thông báo về việc xin ly hôn của chị M nhưng không đến tòa án cũng không có văn bản ý kiến gì về việc chị

M xin ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Cho ly hôn giữa chị M và anh T.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Q và cháu K đang sống cùng cha, chị M đồng ý giao hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị M phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các đương sự không tranh chấp về vấn đề cấp dưỡng.

[4] Về chia tài sản: Chị M rút yêu cầu chia tài sản. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản của chị M là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí: Chị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 217; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Dương Văn T.

2.Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Thị Q sinh ngày 09-10-2004 và cháu Dương Tuấn K sinh ngày 29-8-2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Các đương sự không tranh chấp về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3.Về chia tài sản: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của chị M.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị M đã nộp theo biên lai thu số 000190 ngày 07-3-2017. Chị M được nhận lại số tiền 662.000 đồng tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản đã nộp theo biên lai thu số 000189 ngày 07-3-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn